

Bản án số: 30/2020/HS-ST  
Ngày 21/5/2020

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Minh Thư

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Duy Cừ  
- Ông Nguyễn Văn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện VKSND thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS, ngày 24 tháng 3 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/QĐXXST-HS ngày 08/5/2020 đối với bị cáo:

**Dương Văn T**, sinh ngày 16/4/1991 tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương Xuân K và bà Trần Thị C; có vợ Cao Thị T và có 01 con sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2020 đến nay tại phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

- Công ty cổ phần N; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; người Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1982 - Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Quách Thị N, sinh năm 1993 - Kế toán Công ty cổ phần N; trú tại: Xã Thuyện L, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Kinh doanh; địa chỉ: Tổ 5 phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

**- Người làm chứng:**

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố 3, phường H, thành phố H (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; trú tại: Khối phố T, phường T, thành phố H (vắng mặt).

3. Anh Ngô Trung B, sinh năm 1991; trú tại: Xóm 4a, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2017, Dương Văn T có hoạt động kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng tại khối 8, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Do làm ăn thua lỗ dẫn đến không có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên sáng ngày 02/6/2019 T nảy sinh thủ đoạn đi đặt mua ống thép tôn mạ kẽm tại các cửa hàng và lừa dối sẽ thanh toán tiền rồi chiếm đoạt một phần ống thép mang đi bán lấy tiền tiêu xài, phần còn lại sẽ hoàn trả để tạo niềm tin cho bên bán hàng vì T nghĩ nếu bán hết cửa hàng sẽ nghi ngờ T lừa đảo. Vào khoảng 8 giờ ngày 02/6/2019, T đi đến Công ty cổ phần N tại xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì gặp nhân viên bán hàng là chị Quách Thị N (sinh năm 1993, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) đặt mua ống thép tôn mạ kẽm Hòa Phát gồm: 30 ống thép hộp kích thước 40x80x1,8x6000; 10 ống thép hộp kích thước 25x50x1,8x6000; 15 ống thép hộp kích thước 30x60x1,8x6000 với tổng số tiền là 16.900.000 đồng. T nói dối với chị N mua ống thép để làm công trình cho khách hàng và yêu cầu giao hàng tại ngõ 22 đường L thuộc phường Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh theo số thuê bao điện thoại 0967193272 của T và nói sẽ thanh toán tiền khi nhận được hàng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1976, trú tại phường T, thành phố H) là nhân viên giao hàng của công ty N chở ống thép đến địa chỉ trên giao cho T và yêu cầu thanh toán tiền nhưng Dương Văn T nói dối chiều T sẽ đến thanh toán tiền trực tiếp tại công ty N nên anh Nguyễn Văn C giao sắt cho T rồi đi về nhà. Sau khi nhận được số ống thép, Dương Văn T lấy xe kéo của mình chở một phần số hàng trên gồm 18 ống thép tôn mạ kẽm kích thước 40x80x1,8x6000; 07 ống thép tôn mạ kẽm kích thước 30x60x1,8x6000 và 04 ống thép tôn mạ kẽm kích thước 25x50x1,8x6000 trị giá 9.200.000 đồng mang đến công ty TNHH thương mại - dịch vụ H tại số 97, đường T, phường T, thành phố H bán cho chủ cửa hàng là bà Trần Thị N (sinh năm 1966, trú tại phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh), khi bán T nói với chị N là số ống thép của T mua bị mất hóa đơn không trả lại được nên bà N đồng ý mua với số tiền 8.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày 02/6/2019, Dương Văn T đến công ty N trả số ống thép còn lại và nói dối đã sử dụng một phần ống thép làm cho khách hàng. Chị Quách Thị N tin tưởng T nên gọi anh Nguyễn Văn C đi lấy số ống thép còn lại mang về công ty và viết lại hóa bán hàng tương ứng với số ống thép trị giá 9.200.000 đồng mà T đã sử dụng và yêu cầu T thanh toán tiền nhưng T lấy lý do sẽ thanh toán tiền sau và ra về. Đối với số tiền bán ống thép, T thanh toán cho anh C tiền công chở 2 lần 500.000 đồng, số còn lại T tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Chiều cùng ngày 02/6/2019 và sau đó nhiều lần chị Quách Thị N gọi

điện thoại yêu cầu T thanh toán tiền mua ống thép cho công ty N nhưng T cố tình không trả và vứt sim điện thoại để trốn tránh việc trả nợ nên đến ngày 22/12/2019 chị Quách Thị N đến Công an phường Đ trình báo vụ việc. Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Dương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số 03 ngày 24/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H xác định: 29 ống thép tôn mạ kẽm Hòa Phát gồm 18 ống thép tôn mạ kẽm loại 40x80x1,8x6000; 07 ống thép tôn mạ kẽm loại 30x60x1,8x6000 và 04 ống thép tôn mạ kẽm loại 25x50x1,8x6000 có tổng trị giá 9.200.000 đồng.

*Về vật chứng:* Cơ quan điều tra thu giữ tại bà Trần Thị N và trả lại cho chị Quách Thị N (đại diện theo ủy quyền của công ty N) 29 ống thép tôn mạ kẽm Hòa Phát gồm: 18 ống thép tôn mạ kẽm loại 40x80x1,8x6000; 07 ống thép tôn mạ kẽm loại 30x60x1,8x6000 và 04 ống thép tôn mạ kẽm loại 25x50x1,8x6000.

*Về dân sự:* Sau khi nhận lại tài sản chị Quách Thị N không yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N yêu cầu Dương Văn T bồi thường số tiền mua ống thép 8.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 21/CTr-VKSTPHT ngày 19/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh truy tố bị cáo Dương Văn T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1 điều 174; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Dương Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Bị cáo Dương Văn T không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày nhận thức được sai phạm và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Các hành vi, quyết định của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

## **[2] Về chứng cứ xác định tội danh:**

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, thời gian, địa điểm bị cáo chiếm đoạt tài sản, đặc điểm vật chứng vụ án được thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án xác định được: Vào ngày 02/6/2019, tại Công ty cổ phần N thuộc xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Dương Văn T dùng thủ đoạn đặt mua các loại ống thép tôn mạ kẽm và lừa dối sẽ thanh toán tiền sau khi nhận hàng để lừa đảo chiếm đoạt 29 ống thép tôn mạ kẽm Hòa Phát gồm: 18 ống thép tôn mạ kẽm loại 40x80x1,8x6000; 07 ống thép tôn mạ kẽm loại 30x60x1,8x6000 và 04 ống thép tôn mạ kẽm loại 25x50x1,8x6000 tổng trị giá 9.200.000 đồng của Công ty cổ phần N. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi bị cáo Dương Văn T thực hiện đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

## **[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:**

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo "*Thành khẩn khai báo*"; "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" *Đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*. Do đó, bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

## **[4] Về hình phạt:**

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm vào tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, tạo bức xúc trong quần chúng nhân dân mà làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

## **[5] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này có anh Nguyễn Văn C là nhân viên giao hàng của công ty N được bị cáo thanh toán cho số tiền 500.000 đồng nhưng không biết là tiền do phạm tội mà có, bà Trần Thị N là người mua số ống thép tôn mạ kẽm nhưng không biết nguồn gốc tài sản là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh C và bà N là có căn cứ.

[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[7] **Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi nhận lại tài sản chị Quách Thị N không có yêu cầu gì thêm. Tòa miễn xét.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N yêu cầu Dương văn T phải bồi thường số tiền mua ống thép 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà Trần Thị N không yêu cầu Dương văn T bồi thường số tiền mua ống thép 8.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật nên cần ghi nhận ý kiến này của bà N và bị cáo.

[8] **Về vật chứng:** Cơ quan điều tra thu giữ tại bà Trần Thị N và trả lại cho chị Quách Thị N (đại diện theo ủy quyền của công ty N) 29 ống thép tôn mạ kẽm Hòa Phát gồm: 18 ống thép tôn mạ kẽm loại 40x80x1,8x6000; 07 ống thép tôn mạ kẽm loại 30x60x1,8x6000 và 04 ống thép tôn mạ kẽm loại 25x50x1,8x6000 là phù hợp.

[9] **Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: **Dương Văn T** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Xử phạt **Dương Văn T 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 194 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận bà Trần Thị Nguyệt không yêu cầu Dương văn T bồi thường số tiền mua ống thép 8.000.000 đồng.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc Dương Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Công an TP Hà Tĩnh;
- THAPT;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Minh Thư**